

NGHỊ QUYẾT

**Quy định một số chế độ chi tiêu bảo đảm hoạt động
của Hội đồng nhân dân các cấp của tỉnh Quảng Ngãi**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15
được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;*

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

*Căn cứ Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân số
121/2025/QH15;*

*Căn cứ Nghị quyết số 524/2012/NQ-UBTVQH13 của Ủy ban Thường vụ
Quốc hội về một số chế độ chi tiêu bảo đảm hoạt động của Quốc hội;*

*Căn cứ Nghị quyết số 1206/2016/NQ-UBTVQH13 của Ủy ban Thường vụ
Quốc hội ban hành Quy định về chế độ, chính sách và các điều kiện bảo đảm
hoạt động của đại biểu Hội đồng nhân dân;*

*Căn cứ Nghị quyết số 114/2025/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc
hội Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Hoạt động giám sát của Quốc
hội và Hội đồng nhân dân về hoạt động giám sát của Hội đồng nhân dân;*

*Căn cứ Nghị quyết số 115/2025/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc
hội Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Hoạt động giám sát của Quốc
hội và Hội đồng nhân dân về giám sát văn bản quy phạm pháp luật;*

*Căn cứ Chương IV Nghị quyết số 116/2025/UBTVQH15 của Ủy ban
Thường vụ Quốc hội Quy định về việc tiếp công dân, tiếp nhận, phân loại, xử lý
đơn và giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân đối với việc giải quyết
kiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh của cơ quan, tổ chức, cá nhân;*

*Xét Tờ trình số 25/TTr-HĐND ngày 25 tháng 5 năm 2026 của Thường
trực Hội đồng nhân dân tỉnh về dự thảo Nghị quyết Quy định một số chế độ chi
tiêu bảo đảm hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp tỉnh Quảng Ngãi; Báo
cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo
luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp;*

*Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết Quy định một số chế độ chi tiêu
bảo đảm hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp tỉnh Quảng Ngãi.*

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định một số chế độ chi tiêu bảo đảm hoạt động của
Hội đồng nhân dân các cấp của tỉnh Quảng Ngãi.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân, đại biểu Hội đồng nhân dân.
2. Cán bộ, công chức, người lao động của Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh, Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cấp xã tham mưu, phục vụ các hoạt động của Hội đồng nhân dân.
3. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp.

Điều 3. Nguyên tắc chung

1. Việc chi tiêu phục vụ hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp phải có trong dự toán được cấp có thẩm quyền giao; đảm bảo đúng chế độ, định mức, đối tượng theo quy định tại Nghị quyết này và quy định có liên quan của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
2. Các chế độ khác đảm bảo cho hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp không có trong quy định này được thực hiện theo các quy định hiện hành của nhà nước.
3. Kinh phí thực hiện nhiệm vụ chi thuộc Hội đồng nhân dân cấp nào thì ngân sách cấp đó bố trí và tổng hợp trong dự toán hằng năm của đơn vị. Trường hợp cần thiết để phù hợp với khả năng cân đối ngân sách cấp xã và tình hình thực tế của địa phương, Hội đồng nhân dân cấp xã quyết định cụ thể mức chi cho từng nội dung, bảo đảm không vượt quá mức chi tối đa quy định tại Nghị quyết này.

Điều 4. Nội dung chi, mức chi phục vụ hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp

Nội dung chi, mức chi cụ thể phục vụ hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp thực hiện theo Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết này.

Điều 5. Tổ chức thực hiện

1. Thường trực Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết đảm bảo theo đúng quy định của pháp luật.
2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.
3. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật dẫn chiếu tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản quy phạm pháp luật khác thì áp dụng quy định tại văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

Điều 6. Điều khoản thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày 30 tháng 5 năm 2026.

2. Kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành, các nghị quyết sau đây hết hiệu lực:

a) Nghị quyết số 06/2013/NQ-HĐND ngày 13 tháng 3 năm 2013 và Nghị quyết số 41/2016/NQ-HĐND ngày 14 tháng 12 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi Quy định một số chế độ chi tiêu bảo đảm hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp của tỉnh Quảng Ngãi *(nội dung được quyết định áp dụng tại Điều 1 Nghị quyết số 11/NQ-HĐND ngày 14 tháng 7 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi về việc quyết định áp dụng Nghị quyết chế độ chi tiêu bảo đảm hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp của tỉnh Quảng Ngãi)*.

b) Nghị quyết số 06/2022/NQ-HĐND ngày 13 tháng 4 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi sửa đổi, bổ sung nội dung tại khoản 2 Điều 1 Nghị quyết số 06/2013/NQHĐND ngày 13 tháng 3 năm 2013 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định một số chế độ chi tiêu bảo đảm hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp của tỉnh Quảng Ngãi *(nội dung và mức chi hỗ trợ kiêm nhiệm hằng tháng các chức danh Thường trực, Trưởng, Phó trưởng các Ban của Hội đồng nhân dân các cấp đã được bãi bỏ tại Nghị quyết số 11/NQ-HĐND)*.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi khóa XIV, Kỳ họp thứ 3 thông qua ngày 30 tháng 5 năm 2026./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Vụ Pháp chế - Bộ Tài chính;
- Cục KTVB và TCTHPL - Bộ Tư pháp;
- TTTU, TTHĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành;
- Cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- TT HĐND, UBND các xã, phường và đặc khu;
- Báo và Phát thanh, Truyền hình Quảng Ngãi;
- Trung tâm Công báo và Tin học tỉnh;
- VP ĐBQH và HĐND tỉnh: C-PCVP, các phòng, CV;
- Lưu: VT, Cthđnd_(Dtlg).

CHỦ TỊCH

Nguyễn Đức Tuy